



## Chuyến Đi Không Tên

*Đáng lẽ tôi không muốn nhắc lại các vết thương lòng đã xảy ra từ lâu, vì khơi lại chỉ làm lòng tôi đau xót, như nỗi. Nhưng việc không lên tiếng của tôi sẽ làm tôi có lỗi với những người đi trước, với các NT, anh chị em đã nằm xuống cho đất Mẹ VN.*

*Nhân đây tôi cũng muốn gửi một nén hương để tưởng nhớ đến công ơn điu đất, và nâng đỡ tôi trong thời gian đang công tác như cố Đại tá Lê Quang Tung, cố Đại Tá Lam Sơn (Phạm Đình Thứ, 1964), cố Đại tá Trần Văn Hồ (1964-1966).*

*Nguyễn Văn Tuyết*

Từ thuở còn học sinh tôi có người bạn tên Trần Hiếu Hoà. Ngoài học văn hoá, tôi và bạn tôi còn say mê học võ thuật. Chính vì điểm này, cả hai có cơ hội vào ngành tình báo rất sớm, mặc dù hoàn cảnh gia đình cũng như tình trạng học vẫn không bắt chúng tôi làm như vậy.

Nói đến hai chữ Tình Báo thì đa số hiểu là làm một việc gì đó có tính cách bí mật. Nhưng nếu đi vào chuyên môn, thì đây là một lãnh vực đa dạng, với mỗi cá nhân nhận những nhiệm vụ riêng biệt, từ thấp đến cao, qua mỗi lần thi hành xong một nhiệm vụ rồi trở về hậu cứ. Lần sau khi xuất phát, người đi

công tác phải học lại cho phù hợp với thực tế, vì trang thiết bị và vũ khí cho mình và của địch luôn thay đổi theo thời gian. Tôi và Hoà đã tham gia các khoá học đặc biệt về tình báo. Theo thời gian chúng tôi dần dần trưởng thành qua những lần công tác.

Sau một thời gian công tác, tôi trở về Phòng Hoạt Động của Tổng Thống Phủ (P42) còn Hoà về làm Trưởng Phòng 5 của ông Đỗ Cao Thanh.

Sau ngày 1-11-1963, tôi đã bị gọi lên thẩm vấn điều tra. May mắn thay, tôi đã được Đại tá Ngô Du gửi đi học khoá Trung Cấp Tình Báo vì biết tôi không có những liên hệ nào đặc biệt với chế độ cũ. Năm 1964, tôi được chuyển về Phòng 6 Bộ Tổng Tham Mưu.

Đến tháng 6-1964, tôi chính thức làm việc tại Phòng 6 của Sở Kỹ Thuật (đổi tên thành Sở Khai Thác Địa Hình) và được lĩnh lương sai biệt. Tôi được lệnh đưa các toán biệt kích tới Trung Tâm Huấn Luyện Quyết Thắng. Đầu tháng 11 năm 1964, việc huấn luyện của các toán đã qua giai đoạn 2 và sẽ thực tập nhảy dù tại Đà Lạt, sau đó theo học khoá HT 98 tại trường Truyền Tin Vũng Tàu. (Chỉ huy trưởng là Thiếu Tá Hoàng Hữu Gia.) Khi đến đây, mọi thủ tục giữ bí mật được áp dụng, các học viên không được nói sự thật về đơn vị mình đang phục vụ để bảo toàn an ninh. Để giống mọi người, các học viên mặc quân phục kaki vàng, và quân phục tác chiến giống TQLC.

Mới vào quân trường nên một số người ngoài đơn vị cũng đến làm quen và hỏi thăm vì tò mò muốn tìm hiểu. Một số khác không quan tâm. Nhưng lại có người không tin, gây sự cho là khoá sinh mới đã ăn cắp kiểu quân phục của họ và gây lộn. Th/Tá Hoàng Hữu Gia đã phải đưa đại đội ứng trực xuống để ổn định tình hình. Vì người bị ăn cắp đồ là Thiếu Úy Kim, Khoá 11 TĐ, là cháu Trung Tướng Nguyễn Ngọc Lễ, nên Đại tá Lê Nguyên Khang, Tư Lệnh TQLC, phải ra tận nơi để giải

quyết. Sau đó Th/ Tá Gia đã bị đoi đi và Th/Tá Vũ Duy Tạo về thay thế làm chỉ huy trưởng trường Trường Truyền Tin.

Vào khoảng giữa năm 1965, Trần Hiếu Hoà giới thiệu với tôi Trung Úy Bình (tức Nguyễn Hữu Luyện), một sĩ quan mới về nhậm chức tại đơn vị. Qua bạn Hoà, tôi được biết anh Luyện là người thẳng thắn, có thâm niên quân đội, và có nhiều kinh nghiệm tác chiến. Anh Hoà và anh Luyện muốn lập các toán xâm nhập miền Bắc. Anh Luyện sẽ là Trưởng Công Tác đầu tiên đi cùng toán. Anh Hoà sẽ lo việc tuyển dụng nhân viên, sắp xếp, tổ chức theo ý của anh Luyện, và được sự chấp thuận của Trung Ương.

Việc tuyển dụng nhân viên không phải lúc nào cũng dễ dàng. Trong khi làm việc, tôi đã phải từ chối một người tên Nghĩa vì anh này khai dối là đã đủ 18 tuổi. Hơn nữa, trong nhà đã có mấy anh lớn phục vụ trong quân đội, và Nghĩa là con út đang đi học. Theo luật thì Nghĩa không phải bị động viên. Thời gian qua khi đủ 18 tuổi, anh này lại làm đơn xin gia nhập một lần nữa. Về tình tôi đã xiêu lòng, nhưng về lý buộc tôi phải hỏi cha mẹ anh có đồng ý hay không? Một khi tin không lành đến nhà thì gia đình họ sẽ có đủ lý do để bắt lỗi tôi. Và lại, tôi cũng đã bị phiền toái nhiều lần vì cha mẹ vợ con người bị tử nạn đến ăn vạ, bắt đền. Khi được biết Nghĩa đã nói dối cha mẹ là đi Cảnh sát, tôi đã từ chối thẳng.

Sau một thời gian, tôi lại nhận được đơn tình nguyện của Nghĩa lần thứ ba. Lần này, Nghĩa đã thuyết phục được bố mẹ của mình. Tôi đã nhận được tờ giấy” ưng thuận cho con đi lính” với chữ ký của người mẹ. Khi tôi đến để xác minh lần chót, cha mẹ Nghĩa có một yêu cầu nhờ tôi giúp đỡ. Đó là tôi ở đâu thì Nghĩa ở đó. Trong khi tôi còn đang chần chờ thì Nghĩa đã đập chân tôi nhiều lần ở dưới gậm bàn mong tôi chấp thuận. Tôi đã biết có nhiều người trẻ tuổi, chỉ sau một thời gian, đã nản chí không muốn phục vụ nữa. Chính vì suy nghĩ như vậy nên tôi tạm thời chấp thuận.

Đúng lúc này, anh Luyện đang tuyển dụng nhân viên. Tôi đã chuyển hết hồ sơ cho anh Luyện với một điều kiện tiên quyết là Nghĩa không được xa tôi. Tôi đã sắp xếp cho Nghĩa học Truyền Tin để sau này có thể hoán chuyển dễ hơn.

Tháng 10-1965, khi việc tuyển dụng tạm xong, tôi được chuyển đến Trung Tâm Huấn Luyện Quyết Thắng, Long Thành, Biên Hoà cùng anh Hoà và anh Luyện. Tại đây, khoá huấn luyện được đặt tên là Bắc Bình. (Muốn giống đội quân Tây Sơn của Nguyễn Huệ.) Đại đa số tinh thần các học viên rất



***Một đơn vị Biệt Kích đang được bốc khởi bãi đáp.***

cao, nhưng kinh nghiệm chưa có. Để thuận tiện công tác trên lãnh thổ Lào, anh Luyện có nhờ tôi liên lạc với anh Nguyễn Mạnh Hải, một Việt Kiều từ Thái Lan về nước, đang là một hạ sĩ quan sửa chữa vũ khí binh đoàn thuộc Trung Đoàn 12, Sư Đoàn 7. Anh Luyện đã sắp xếp tôi, Hoà, và Hải tại ban chỉ huy của toán. Mỗi toán được chia thành 4 toán nhỏ độc lập, với hơn chục người mỗi toán. Nguyễn Ngọc Lân làm Trưởng Toán A1, Hà Huy Tuấn Trưởng Toán A2, Mai Nhuệ Anh Trưởng Toán B1, Hoàng Đình Khả Trưởng Toán B2.

Các khoá sinh được học chuyên môn, từ vũ khí, nhảy dù, phá hoại, chất nổ, tình báo, tâm lý chiến, bản đồ, địa bàn, đến

truyền tin... Giữ lời hứa với gia đình Nghĩa, tôi đã lo cho anh đủ điều, như đưa tiền cho anh ta chi tiêu lặt vặt, trong khi tôi đã giữ tiền lương tháng của Nghĩa. Sau vài ba tháng khi Nghĩa được đi phép, tôi đã đưa lại để anh mang về cho gia đình. Một người khác, cũng đã nhờ tôi giữ hộ lương của mình, giống như Nghĩa.

Một thời gian sau, Trần Hiếu Hoà được cử đi tuyển dụng toán độc lập khác.

Tháng 5-1966, các toán biệt kích thực tập xâm nhập trên đất địch, nhảy dù tại Đà Lạt, và được đánh giá về khả năng hoạt động độc lập. Sau khi toán được rút về trung tâm và nghỉ phép, họ đã được chuyển lên Kontum và Khâm Đức để thực tập bằng trực thăng bán phần lựu.

Cuối tháng 6-1966, tôi được lệnh về trình diện Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, để nhận nhiệm vụ mới. Tôi đã xin hoãn lại một thời hạn với lý do sắp xếp tình cảm với anh em, sao cho tình lý được vẹn toàn. Chính vì lẽ đó, tôi trở lại TTHL Quyết Thắng làm việc. Nơi đây, các toán đã được huấn luyện đổ bộ bằng trực thăng và thám sát đường mòn HCM. Đến trung tuần tháng 6, các toán chuyển ra trại 6 Mỹ Khê, Đà Nẵng sẵn sàng thi hành nhiệm vụ.

Anh Luyện dự trù sẽ dẫn toán đi đợt 1. Đại Úy Nguyễn Văn Vinh vốn là một trường công tác dày dặn kinh nghiệm chịu trách nhiệm lương bổng. Đa số thành viên trong toán 2 hăng say nhưng thiếu kinh nghiệm nên anh Luyện đã yêu cầu tôi ở lại toán này để quyết định việc xâm nhập cùng 3 toán trưởng còn lại. Chuẩn Úy Đặng Đình Thuý sẽ cùng đi nhưng đến vùng công tác sẽ sắp xếp đề làm cố vấn bản đồ, địa bàn cho toán B2 của anh Hoàng Đình Khả. Trong lúc chờ lên đường tại bãi Mỹ Khê, Đà Nẵng, anh Hoàng Đình Mỹ gặp tôi xin ở lại để cùng đi với toán 2 của tôi. Tôi đã thẳng thắn từ chối vì đây thuộc thẩm quyền của anh Luyện, trưởng toán.

Sau khi chia tay, toán HECTOR 1 lên đường xâm nhập vào vùng công tác vào hạ tuần tháng 6-1966. Khi nhận được công điện của Bản Văn số I có đoạn “MẶT TRỜI MỘC”, tôi được ông Vinh cho biết toán đã được thả an toàn. Trong lúc chờ lệnh lên đường, toán 2 vẫn tiếp tục thực tập tại bãi biển Mỹ Khê.

Ông Phan Trọng Sinh, đại diện Sở Liên Lạc tại Quân Đoàn I, đã đến gặp chúng tôi, yêu cầu cử một toán biệt kích xuống Thường Đức, vì Thiếu Tướng Hoàng Xuân Lãm không muốn sử dụng một đơn vị Lôi Hồ cho công tác đặc biệt tại vùng này. Theo nguyên tắc, khi một toán được cử đi công tác, bắt buộc phải có cố vấn người Mỹ, cùng các máy truyền tin, đi theo để sẵn sàng yểm trợ. Trung Tá Cố Vấn Mỹ Simon đã không đồng ý nên kế hoạch này không thể thực hiện. Trong khi nói chuyện, ông Sinh đã hỏi tôi có đồng ý thực hiện nhiệm vụ đặc biệt này?

Biến động Phật Giáo Miền Trung đã ảnh hưởng nhiều đến tình hình an ninh QK I, cũng như hạn chế phần nào hoạt động quân sự của ta tại đây. QĐ I muốn giải toả vùng Thường Đức vẫn còn bị VC chiếm đóng, nhưng Quân Báo của Sư Đoàn 2 và QĐ I chưa sẵn sàng thực hiện. Chưa kể, nếu tiến hành ngay thì các đơn vị Quân Báo cũng không dễ gì hoàn thành nhiệm vụ, và khó tránh khỏi thương vong. Cũng cần thêm, Thường Đức là yết hầu của Đà Nẵng. Chừng nào Thường Đức còn bị VC chiếm đóng thì chừng đó tình hình an ninh của Đà Nẵng, nói riêng và QĐ I còn gặp nhiều nguy hiểm. Đánh giá được nhiệm vụ quan trọng này nên tôi đã đồng ý dùng toán của tôi nhảy vào khu vực do Tướng Lãm yêu cầu. Dĩ nhiên, chúng tôi phải được Trung Ương chấp thuận.

Sau khi nhận lời, tôi đã vội bay vào Sài Gòn để trình bày cùng ‘thượng cấp’ về đề nghị của Tướng Lãm. Tuy nhiên, tôi lại nhận được tin không vui. Người bạn thân của tôi, Trần Hiếu Hoà, đang bị giam tại ‘cải hối thất’ thuộc Bộ TTM vì vi phạm kỷ luật. Sau khi tìm hiểu lý do vi phạm của bạn tôi tại Trung

Tâm Huân Luyện Quyết Thắng, tôi quay lại Bộ TTM vào gặp các bạn tôi đang ở trong tù, gồm có: Trần Hiếu Hoà -Trưởng Toán T, Phạm Bá Toán -Trưởng Toán KERN B, Nguyễn Văn Thái A -Toán KERN B, Nguyễn Văn Sáng -Lôi Hồ, Sở Liên Lạc, Nguyễn Văn Tân (Tân Bé).

Khi trình diện “thượng cấp”, ông đã yêu cầu tôi sắp xếp công việc, rồi về nhận nhiệm vụ mới. Tôi đã xin ông cho tôi hoãn một thời gian nữa. Tôi cũng đã trình bày trường hợp vi phạm của bạn tôi và xin ông nhẹ tay.

Ông Vinh sau đó cho tôi biết, theo ý “thượng cấp”, Hoà sẽ thay tôi ở Đà Nẵng chịu trách nhiệm toán HECTOR II, nếu không thì phải có sự đồng ý của cấp chỉ huy TTHL Quyết Thắng. Được ông Vinh phân công, tôi sẽ gặp ông Nông A Pan (Túc Võ Văn Đang), một thẩm quyền cũ của tôi tại Lào và Đà Nẵng. Tôi đã cố thuyết phục ông, thậm chí còn lấy cá nhân tôi để bảo đảm cho lời nói. Sau khoảng một tiếng đồng hồ sau, tôi và ông Vinh đã gặp nhau. Ông hỏi,

- Kết quả thế nào?

Tôi cười và nói ngay,

- Bây giờ chúng ta phải quay lại TTM.

Thú thật khi đón Hoà ra khỏi trại tù, tôi còn gặp các anh em còn lại chưa được thả. Họ cũng có ý định nhờ tôi giúp. Tôi biết là khả năng có hạn, nên tôi cảm thấy buồn khi không trả lời họ.

Khi định đáp máy bay đi Đà Nẵng thì được ông Giám Đốc hỏi chuyện về lời hứa với Th/Tướng Lâm, Tư Lệnh Quân Đoàn I và về việc Trung Tướng Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, gọi tôi về trình diện. Tôi đã thuyết trình về kế hoạch nhảy vào Thường Đức với ông. Tôi trình bày kế hoạch tuyển người, phương tiện máy bay để thả các toán xuống sát biên giới Lào-Việt, để toán không dùng máy liên lạc để bị lộ mà chỉ dùng máy định vị, thời gian xâm nhập và di chuyển khi hoàn tất nhiệm vụ, việc không yểm cho 3 bãi đất trống ở

Thường Đức... Tôi cũng xin ông cho mấy anh em phạm lỗi được đoái công chuộc tội bằng cách cho họ tham gia vào chiến dịch này.

“Thượng cấp” đã đồng ý thả 4 người, vốn đã qua huấn luyện tại trại Quyết Thắng là các anh Toán, A, Sáng, và Tân. (Như đã đề cập ở trên.)

Tôi đã ghé Hoà Cấm, lấy thêm 2 người H ‘Mông và 2 người Vân Kiều trước đây đã sống ở Thường Đức. Cả toán Biệt Kích, gồm 8 người, đã thực tập, thao dợt tại một sân bay cũ của



*Một đơn vị Biệt Kích HECTOR.*

TQLC Mỹ, và thực tập đổ bộ bằng trực thăng cả tuần lễ. Sau khi thuận tục, toán đã được thả xuống biên giới Việt-Lào vào đầu tháng 7-1966. Với vỏ bọc là người Thượng, mang theo đặc sản của núi rừng để đổi lấy muối, họ đã nói như người Thượng, mặc quần áo rách rưới, đeo những “gùi” của người Thượng với phía trên là cá khô, thịt rừng khô nhưng dưới là máy truyền tin và súng đạn. (Cũng cần nói rõ, người Thượng ở đây đã có cuộc sống vô cùng khó khăn và nghèo khổ vì chiến tranh.)

Theo dõi máy định vị, tôi biết toán đã rời bãi đáp, đang len lỏi từ sát biên giới đi dần vào vùng Thường Đức, đang thu nhặt tin tức tình báo và đánh dấu vị trí địch quân. Trong khi đó, pháo binh của TQLC Mỹ và máy bay ném bom sẵn sàng can thiệp khi cần. Khi máy định vị bị tắt bất ngờ thì cả toán sẽ là những con chột thối. Sau 2 tuần, toán đã ra được Bãi Số 2 và



dùng PCR 64 liên lạc. Tại hậu cứ Đà Nẵng, trực thăng và máy bay yểm trợ đã sẵn sàng cất cánh, bốc vè. Sau khi toán vừa rời khỏi bãi đáp thì hỏa lực của Không Quân và Pháo Binh đã nhíp nhàng tác xạ vào các vị trí mà máy định vị đang liên tục phát sóng. Các đơn vị quân đội đang án binh chờ lệnh cùng tiến vào đánh đuổi VC ra nơi đây, ngay lập tức. QĐ I đã giải tỏa Thường Đức ngay ngày hôm ấy.

Toán đang nghỉ ngơi khoảng 3 ngày tại Đà Nẵng thì được Thiếu Tướng Lâm, đến tận nơi, ân thưởng huy chương cho những người có công. Từ đây, dù ông cùng đoàn tùy tùng đi đâu, vào bất cứ lúc nào, khi thấy anh em Biệt Kích, ông đều cho xe dừng lại. Ông gọi thân mật họ là “bọn chết sống lại”, và cho ngồi chung xe quá giang. Đó là tình cảm ông dành cho anh em Biệt Kích. Chúng tôi không bao giờ quên được tình cảm của NT đã dành cho chúng tôi. Trong toán vừa thực hiện xong nhiệm vụ, 4 người đã ở QĐ I được ở lại Đà Nẵng. Bốn người đã phạm lỗi trước đó thì được tha cho về phục vụ các toán của Mỹ tại Vùng III Chiến Thuật.

Hạ tuần tháng 7 năm 1966, Trung Tá Nguyễn Khắc Bình và Trung Tá Hồ Văn Kỳ Thoại đã ra thanh tra và chuyển giao một số cơ sở đường biên cho đơn vị khác. Nhân dịp này, các NT muốn biết các nhận xét về hiệu quả hoạt động của các toán và kết quả chương trình huấn luyện tại Trung Tâm Quyết Thắng. Tôi đã thẳng thắn trả lời;

- Tinh thần các khoá sinh thì cao nhưng kinh nghiệm di chuyển trong rừng núi khá yếu, thể chất không đủ dẻo dai, dễ bị đối phương theo dõi.

- Tại sao? Ông hỏi.

- Rèn luyện thể chất ở trại Quyết Thắng kém hơn ở Nha Trang hay Đà Nẵng. Vì ở đây, chạy trên cát nên sức khoẻ các học viên rất dẻo dai và nhanh nhẹn khi di chuyển trong rừng.

Trung Tá Bình gật gù tỏ vẻ đồng ý. Một thời gian sau, ông đã chuyển một số toán ra Đà Nẵng.

Cuối tháng 7-1966, qua các công điện từ vùng hoạt động của H1 (tức Nguyễn Hữu Luyện), tôi biết toán HECTOR 2 còn phải chờ một thời gian nữa trước khi được cử đi công tác. Tôi đã xin thượng cấp cho cả toán 2 về Saigon nghỉ phép và chờ lệnh xuất phát để họ yên tâm, cũng như để thân nhân họ không đặt câu hỏi là người nhà của họ ở đâu.

Tháng 8-1966, trên yêu cầu, sau khi nghỉ phép, toán 2 phải ở trong khu vực cấm chờ đi công tác. Vì thế cả toán đã đáp chuyến máy bay C123 từ Đà Nẵng về Saigon. Trong chuyến máy bay này có Trung Tá Nguyễn Khắc Bình và gia đình cùng đi. Trung Tá Bình chuyển về Saigon để nhậm chức Tham Mưu Trưởng Sở Kỹ Thuật lúc bấy giờ.

Toán 2 được đưa về “khu vực cấm” tại TTHL Quyết Thắng. Khi được đi phép, tôi đã cùng Nghĩa về thăm cha mẹ của anh. Riêng tôi còn nhiều việc phải giải quyết, nhất là tình cảm của tôi với người tôi yêu tên Mai Thanh.

Nàng mới tốt nghiệp đại học Sư Phạm và vừa được bổ nhiệm đi Mộc Hoá, một địa phương sát biên giới với Kampuchia. Trăn trở với nỗi lòng riêng, tôi đã cùng nàng đi xem phim tại rạp Rex nhưng thực tâm tôi chẳng biết phim đang chiếu gì. Tôi đang trăn trở nhiều điều nhưng không thể nói thành lời. Tôi chỉ muốn nói cho nàng hiểu rõ tương lai bấp bênh của một người lính như tôi. Tôi đã quen nàng từ khi còn học trường trung học Trung Vương, từ nhiều năm, trước khi nàng vào đại học. Trong buổi gặp gỡ đó, nàng đã nói với tôi rất nhiều chuyện: về việc nàng đang dạy học, về việc tôi đang làm, và về tương lai của hai người... Nhưng tôi là người theo đạo Thiên Chúa không dám nói dối nên tôi chỉ là âm ừ cho qua. Tôi đoán là nàng đã ít nhiều hiểu lầm tình cảm của tôi dành cho nàng, nhưng tôi không biết làm sao cho phải. Cuối cùng, tôi chỉ nói với nàng,

- Sau này, nếu anh lấy vợ, người đầu tiên anh chọn sẽ làm em. Bây giờ đất nước đang thời khói lửa, anh còn có nhiệm vụ

phải làm nên tạm xa em. Nếu không có gì thay đổi, cuối năm anh sẽ về cùng em đi dự lễ Giáng Sinh.

Lúc chia tay, tôi thoáng thấy thái độ cam phận của nàng cùng nét mặt gượng vui không đủ che dấu nỗi buồn ẩn dấu bên trong. Khi nhớ đến bài hát “Biết Trả Lời Sao?” của Duy Khánh, tôi mới thấy vô cùng thấm thía. Sự mâu thuẫn giữa tình cảm tha thiết của tôi đối với nàng và một tương lai vô định, không rõ tương lai của người lính Biệt Kích khiến tôi gần như tuyệt vọng. Tôi đã cố dấu nàng qua bề ngoài bình thường, khá lãnh đạm, trong khi lòng tôi đau đớn không nguôi. Làm sao tôi có thể cho nàng biết rằng tôi đang mang một trách nhiệm lớn lao mà sự thành bại, vốn hung nhiều lành ít, chỉ tùy thuộc một

phần vào sức chịu đựng của con người? Nỗi trăn trở này không phải chỉ mới có khi gặp nàng mà đã nằm sâu trong tiềm thức mà tôi đã dấu chính tôi. Tất cả lời hứa hẹn đều vô nghĩa,



*Một đơn vị Biệt Kích.*

khi tôi không thể biết rõ tương lai đầy bất trắc của chính mình.

Qua điện thoại với “thượng cấp”, ông Vinh cũng không biết được ý định của tôi sẽ ra sao? Tôi có trình diện nhiệm sở mới hay không? Tôi có rời toán 2 hay không? Vì lời hứa với cha mẹ Nghĩa, tôi không đành lòng bỏ Nghĩa lại một mình đi công tác mà không có tôi. Đôi lần, tôi đã đặt vấn đề với Nghĩa,

- Nếu em muốn trở lại học đường, tôi sẽ cung cấp học phí cho em như lãnh lương hàng tháng tại trại. Hay là em muốn đi đơn vị khác, anh sẽ lo liệu.

Mỗi lần như thế, Nghĩa chỉ âm ừ không chịu trả lời rõ. Tôi cần quyết định về việc chọn lựa có nên về đơn vị mới hay ở lại đơn vị cũ, nên đã ướm lời hỏi Nghĩa,

- Khi anh đi thì em có buồn không?

- Không buồn. Nghĩa tỏ vẻ tự tin trả lời.

Tôi luôn nghĩ đến cha mẹ Nghĩa tin tưởng gửi gắm cho tôi. Nếu Nghĩa có mệnh hệ nào thì tôi làm sao cho ổn thỏa? Thôi cũng đành, tôi đã làm tròn lời hứa với cha mẹ Nghĩa.

Sau kỳ nghỉ phép, toán 2 đã trở lại “khu vực cấm”, được xây cất riêng biệt với khu trại chính. Khu vực này được 4 bức tường cao ngăn cách rào dây kẽm và một cổng ra vào có Quân Cảnh gác. Trong khu cấm có một hạ sĩ quan ở ngày đêm cùng các toán viên đang chuẩn bị nhảy toán. Trong giai đoạn này, tôi cũng xin lệnh thượng cấp cho Nguyễn Minh Hùng được về lại gia đình vì tình trạng gia cảnh đặc biệt của anh, và cho Nguyễn Ngọc Việt ra làm tại thư viện của trại.

Trong lòng tôi cảm thấy đã dễ chịu vì đã giải quyết được nhiều việc cho nhân viên dưới quyền.

Giờ đây, tôi đã sẵn sàng...

*Westminster, ngày 3 tháng 3 năm 2015*

*H. 21*





## Tưởng niệm Anh!

Trần Thức

(Tưởng niệm Cựu Tr/tá Trần Nghĩa Châu – K19 ĐL – Cựu Th/tá Nguyễn Tấn Hạnh – K19 Thủ Đức – Đã hy sinh tại Bình Khê, Bình Định ngày 18 tháng 3 năm 1975)

Từ chiến trường được tin anh tử trận  
Trên ngọn đồi Đông Quận Bình Khê  
Bao nhiêu năm mình chiến đấu cận kề  
Từ duyên hải đến vùng cao nguyên trấn

*Nhớ những lúc đơn vị tôi đứng trận  
Anh tức thời yểm trợ chiếm mục tiêu  
Nửa giờ sau trận chiến đã xoay chiều  
Xác quân địch ngổn ngang bên đồi trọc!*

Khi dưỡng quân anh thường hay cắt tóc  
Cho anh em binh sĩ sống xa nhà  
Anh là người lãnh đạo tài ba  
Thương đồng đội và giàu lòng nhân ái

*Bốn mươi năm rồi tôi còn nhớ mãi  
Trên chiến trường Bình Định-Kuntum  
Nơi diễn ra những trận đánh thư hùng  
Đã xóa tên Sư Đoàn quân Bắc Việt*

Vùng Tam Biên nơi giao tranh ác liệt  
Đã chôn vùi cuồng vọng lũ tam vô  
Đường Trường Sơn la liệt những nắm mồ  
Của những kẻ nghe theo lời Bác Đảng

*Đối với anh một ngàn lần xứng đáng  
Người Sĩ Quan trong quân lực Cộng Hòa  
Bốn mươi năm rồi, tuy đã trôi qua  
Nhưng trong tôi vẫn còn hoài niệm!*

Năm Bảy Lăm, địch cắt lộ Mười Chín  
Nhằm cô lập duyên hải với cao nguyên  
Đơn vị anh được lệnh tiếp viện tiền  
Trong trận ấy anh hiên ngang gục ngã!

*Giờ đến Mỹ với nỗi buồn xír lạ  
Nhớ về anh trong lòng đất quê hương  
Một sĩ quan gương mẫu rất kiên cường  
Thật xứng đáng người con yêu tổ quốc*

Nếu hiển linh xin hôn anh phù hộ  
Cho chiến hữu anh đoàn kết bên nhau  
Đừng chia rẽ mà chúc lấy thương đau  
Vì Tổ Quốc – Vì Tự Do – Dân Tộc!

*St.Louis, vào hạ 2014*





# Đà Lạt Tháng Ba, Đòng Kỷ Niệm Buồn

*Thiên Lý*

Tôi không có nhiều kỷ niệm về Đà Lạt, nhưng mỗi khi nghe ai nhắc tới Đà Lạt, tôi lại thấy náo nức, bồn chồn một cách kỳ lạ. Tôi còn nhớ, gia đình tôi dọn lên Đà Lạt vào một ngày tháng 3 năm 1969. Lúc đó, tôi đang học lớp bốn ở trường tiểu học Đồng Tiến, Sài Gòn. Trong khi cha mẹ tôi tất bật lo toan sắp xếp, di chuyển một đội quân 8 đứa con nhỏ, cùng nhiều đồ đạc công kèn, linh kính, thì chị em tôi rất hào hứng, thích thú với cảm giác được đi máy bay và ở nhà mới. Riêng tôi, lại càng mừng rỡ hơn hết, vì đã thoát được một bà giáo “dì phước” nghiêm khắc, lạnh lùng, thường khẻ tay tôi do cái tội nói chuyện nhiều trong lớp...

Đà Lạt quen thuộc của tôi thuở ấy là ngôi nhà rộng hai tầng với lối kiến trúc cổ của Pháp, có những ô cửa sổ hình tròn hình vuông bằng kính. Sau nhà là mảnh vườn nhỏ, hoa dại đủ màu mọc chen lẫn với cỏ xanh cao gần tới đầu gối. Sát bên bờ rào phủ kín những giây hoa bìm bịp tím thẫm, một cây đào rừng cao to, thân cằn cỗi, già nua vươn những cành nâu dài gãy guộc, trổ đầy hoa màu hồng phấn đến tận khung cửa sổ trên lầu. Những buổi sáng, giữa lúc sương còn giăng mờ trên đầu ngọn thông cao, phà hơi lạnh xuống giàn hoa ngũ sắc bao quanh trước sân nhà, để lại nhiều giọt sương bé bỏng trong veo trên những cánh lá tươi xanh, thì một âm thanh thân quen

thường đánh thức tôi dậy, tiếng chim sẻ ríu rít gọi nhau nghe thật vui tai. Đều đặn như chiếc đồng hồ báo hiệu một ngày mới bắt đầu rong chơi kiếm ăn của chúng. Tôi nhớ con đường dốc gồ ghề mình vẫn đi bộ mỗi ngày với đám bạn cùng xóm, từ khu Chi Lăng dẫn đến ngôi trường trung học tư thực Văn Khoa, có cây mimosa đứng nghiêng bên cổng trường, khoe sắc hoa vàng rực trong nắng sáng.

Tôi biết, mình đã có một tình cảm đặc biệt với vùng đất đỏ cao nguyên này từ thời niên thiếu, khi trái tim non trẻ của tôi còn biết xúc động trước vẻ đẹp của những đồi thông xanh ngắt, những thung lũng mượt mà, và những vườn rau tươi mát. Trong đôi mắt thơ dại luôn mở to về mọi phía, mọi cảnh vật chung quanh, tôi luôn giữ lại một vài hình ảnh mà tôi yêu thích vào ngăn trí nhớ. Ấp ủ cẩn thận như ép một cánh hoa trong trang sách, đợi đến lúc nào rảnh rỗi lấy nó ra ngắm nghía, hồi tưởng và... mơ mộng...

Tháng Ba đang đến... như một cuốn phim quay chậm trong đầu tôi những cảnh buồn. Bắt đầu từ lúc gia đình tôi dời khu Chi Lăng để dọn đến vùng Lâm Viên vào năm 1970. Nơi vừa xây cất xong một dãy nhà mới dành cho các gia đình sĩ quan Võ Bị. Vì là khu nhà mới nên chỉ có lát đá vài gia đình đến cư ngụ mà thôi. Ngôi nhà của chúng tôi tọa lạc ngay gần mặt đường dẫn ra hồ Than Thở. Phía trước nhà nhìn ra là những con dốc thấp, xa xa từng mảng vườn rau vuông vắn theo hàng lớp như những tấm thảm xanh có nhiều sọc nằm xen kẽ nhau. Cách đôi ba ngày, lại có vài chiếc xe hàng lớn đến đậu gần con dốc để chất bắp cải. Với động tác nhịp nhàng của người đứng thủy bắp cải từ dưới vườn lên cho người đứng chụp ở trên xe, đã gây sự chú ý cho chị em tôi phải dừng lại để nhìn cảnh chụp, bắt thú vị của họ.

Ban ngày ở đây tạm coi như bình yên, nhưng cứ đến tối thì sự hoang vu tạo nên một không khí bất an. Đạo đó, không biết vì sao mà cha tôi phải thường cắm trại. Những đêm cha tôi vắng nhà, mẹ tôi lừa tất cả các con vào chung một phòng.



Chúng tôi nằm chen chúc bên nhau trên một tấm nệm rộng, mỗi khi nghe có tiếng súng lạch tạch từ xa, hay tiếng động nào là chị em tôi sợ hãi ôm chặt lấy nhau, đầu mặt vào gối. Thỉnh thoảng, tôi thấy có những bóng đen thấp thoáng lướt qua khung cửa sổ. Những lúc ấy, mẹ hay dặn chúng tôi phải thật im lặng.

Cảm giác bất an đến với gia đình tôi hằng đêm, những bóng đen thấp thoáng ngoài khung cửa sổ hình như càng xuất hiện thường hơn. Rồi vào một đêm tháng 3, nhiều tiếng súng nổ nghe chát chúa, rất gần. Cả đêm chúng tôi không ngủ được trọn giấc vì những tiếng súng và sự lo sợ. Thì ra, VC tấn công vào trường Võ Bị đêm đó. Cha tôi trở về nhà sáng hôm sau trong sự hốt hoảng, thất thần, đầy nước mắt. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi thấy cha tôi khóc. Cha báo tin cho cả nhà về cái chết của bác Thiếu Tá Đào Thiện Yết, người bạn rất thân của cha tôi. Mẹ tôi và cả chúng tôi đều bàng hoàng sửng sốt, cũng bật khóc! Bác mới vừa ăn cơm với gia đình tôi hồi chiều hôm qua đây thôi!

Theo lời cha tôi kể, bác bị bắn gục ngay bên hông trường bằng một loạt AK, trong tay bác hãy còn giữ khẩu súng lục. Căn phòng của cha tôi bị bắn bể hết một bên cửa sổ sát ngay với chiếc giường sắt nhỏ cha đang nằm ngủ. Nhanh như cắt cha lăn xuống đất để tránh đạn. Cái chết kề cận chỉ trong gang tấc, thật là kinh hoàng! Cha tôi ghen ngào kể thêm về hai cái chết của một vị thiếu tá và một anh sinh viên. Vị thiếu tá nằm tắt thở co quắp ngay cạnh bồn nước trong tiền sảnh, đầu bị vỡ. Anh sinh viên thì đang ở trong hầm gác, bị ném lựu đạn vạt mất một phần mặt. Ôi, nghe sao mà dễ sợ quá...

Sau ngày đó, nỗi ám ảnh về tiếng súng và những bóng đen thấp thoáng bên ngoài đêm đêm đã làm cho gia đình tôi sống trong phập phồng lo sợ. Tôi tưởng tượng khu Lâm Viên này không còn an ninh nữa. Cha tôi cũng cảm thấy được điều đó. Thế là cứ mỗi tối, cha phải chở cả gia đình đến ngủ nhờ ở nhà một vị sĩ quan trong khu cư xá Lý Thường Kiệt, ở Chi Lăng.

Đây là khu cư xá của chính phủ dành cho các gia đình sĩ quan Võ Bị. Những ngôi nhà ở đây tuy cũ mà rất đẹp, xây theo lối cổ của Pháp. Có hai bên dãy nhà A và B. Nhà bên dãy A khác bên dãy B một chút, hơi nhỏ, lại không có vườn phía sau như nhà ở dãy B. Ngoài cổng ra vào khu cư xá có một trạm kiểm soát do các anh lính canh giữ. Chỉ mới thấy thấp thoáng bóng dáng của những người lính ở đầu đường cư xá thôi, là tôi đã có cảm giác được bảo vệ an toàn rồi! Chẳng bao lâu, cha tôi xin lại được một ngôi nhà trong cư xá để gia đình trở về khu Chi Lăng. Tôi vui hơn bao giờ hết khi biết mình sẽ lại được đi bộ trên con đường dốc gồ ghề ngày trước, và ngắm lại vườn hoa đại um tùm cỏ mọc sau nhà...

Rồi, tôi lớn lên theo thời gian, nhưng tầm nhìn vẫn không lớn hơn vóc dáng của tôi là bao nhiêu. Tôi vẫn quanh quẩn trong một góc trời Đà Lạt nhỏ bé với khung cảnh quen thuộc nhìn hoài không biết chán, và tiếng chim hót ríu rít mỗi sáng đã là một thanh âm nghe thân thiết đến độ phải ghiền. Khoảng sân rộng ở phía trước nhà tôi dần dà đã nở đầy hoa Vạn Thọ, hoa Trạng Nguyên do mẹ tôi trồng, thêm hai bụi mía mập mạp vươn cao và một giàn su trĩu nặng trái. Mấy tháng sau, mẹ tôi mua gà về nuôi. Gà đẻ trứng, mẹ cho ấp, nở ra một đàn gà con lông vàng mượt xinh xắn. Cứ thế, đàn gà tiếp tục tăng trưởng lên đến cả 100 con. Sân nhà tôi giống như một nông trại nhỏ, ngày nào đi học về tôi cũng bận rộn với việc băm rau trộn bột cho gà ăn, dọn dẹp chuồng gà. Vai trò của một đứa con gái lớn trong gia đình đông con, đã không cho phép tôi có thì giờ rong chơi nhiều như tôi ao ước. Thỉnh thoảng tôi mới được mẹ cho ra khu Hòa Bình. Thật ra cũng chẳng phải là đi chơi mà là đi chợ với mẹ để xách giỏ...

Đời sống êm đềm trôi qua bên những ước mơ của cha mẹ tôi về tương lai cho các con, và cầu mong một ngày chiến tranh chấm dứt. Dự định của cha tôi là sẽ định cư luôn ở Đà Lạt sau khi giải ngũ. Cha bàn với mẹ tôi bán căn nhà ở Sài Gòn để mua một căn nhà khác có vườn tược, đất đai ở Đà Lạt này.

Trước là để đầu tư vào trồng trọt mong có huê lợi mà nuôi nấng chúng tôi lên tiếp đại học. Sau là để cha vui thú điền viên. Căn nhà ở Sài Gòn của chúng tôi nằm trên đường Lê Đại Hành, trước cửa trường đua Phú Thọ cũng khá rộng. Sân trước cha tôi trồng cây mai tứ quý, một cây ổi rất sai trái. Tôi đã trải qua suốt thời kỳ thơ ấu nơi căn nhà này, và cũng có ít nhiều kỷ niệm với nó. Vậy mà khi rời xa căn nhà đó, tôi đã chẳng có chút gì quyến luyến, nay nghe cha nói chúng tôi sẽ ở luôn trên Đà Lạt tôi rất vui...

Nhưng, cũng vẫn chữ nhưng khốn khổ, đã đảo lộn hết dự tính trong cuộc sống của gia đình tôi. Một phần lớn cũng vì những ngày tháng 3 hoảng loạn, tình thế rối ren. Cha tôi vốn hiền lành, chân thật, dễ tin vào mối lái của một người làm vườn khôn ngoan, đã mua lại căn nhà cũ 3 gian với hai mẫu đất vào lúc đó. Mua nhà rồi, cha bận rộn hơn với công việc trồng trọt. Trăm thứ tiền phải đổ thêm vào đầu tư cho vườn tược, nào mua phân, mua giống cây, mướn người làm... Gia đình tôi phải chia ra ở hai nơi. Mẹ tôi cùng hai đứa em gái lớn ở ngôi nhà mới để coi sóc người làm vườn và cơm nước cho họ. Tôi ở lại căn nhà trong cư xá với bà ngoại và mấy đứa em nhỏ. Chúng tôi chỉ đến căn nhà mới có vài lần sau mấy ngày mưa bão, một vườn bắp gồm 300 cây chết ngập trong nước. Không hiểu được nỗi lo thua lỗ của cha mẹ lúc đó, chúng tôi cứ vô tình hăng hái đi bẻ những trái bắp non từ mấy cây bắp ngã rạp xuống đất, coi đó là một công việc vui thích...



Khi Ban Mê Thuột đã bị CS chiếm vào giữa tháng 3 năm 1975, thì Đà Lạt cũng đắm chìm trong hoang mang, lo sợ. Người người bắt đầu di tản. Giữa lúc tình hình lộn xộn đó, gia đình tôi nhận được tin bà nội tôi mất ở Sài Gòn. Cha tôi phải tức tốc bay về chịu tang bà chỉ có 3 ngày, không kịp đưa bà ra nghĩa trang. Cha đã phải chạy đôn đáo trở lại Đà Lạt lo mua

vé máy bay cho vợ con di tản về Sài Gòn.

Ngày rời xa Đà Lạt, tôi chưa đủ lớn khôn để hiểu hết cuộc chiến tranh trên đất nước mình. Tôi chỉ biết oán hận những người CS sao quá ác tâm, quá hiếu chiến. Nếu họ muốn duy trì chế độ CS thì cứ thực hiện ở miền Bắc của họ đi, còn xâm nhập vào miền Nam làm chi cho khổ dân. Nghe tin họ chiếm đến đâu thì dân chạy đến đó. Gia đình tôi cũng phải chạy để tìm nơi an toàn. Tôi tiếc một góc trời Đà Lạt nhỏ bé của tôi đành đoạn bỏ lại sau lưng. Khu vườn hoa dại, cây đào rừng già cỗi, những sáng sớm có sương mờ cùng tiếng chim hót... Và còn biết bao nhiêu hình ảnh thân yêu chung quanh. Tất cả hầu như đã chết lịm trong tiếng súng tháng 3 rồi!!! Tôi ngậm ngùi nhìn lại căn nhà mới, hai mẫu đất, mà gia đình tôi chưa ở được trọn vẹn một ngày nào. Tôi thương công sức làm lụng cả đời lao khổ của cha tôi, chắt móp, dành dụm với ước vọng cho các con đã xa dần, xa dần và tàn lụi trong khói đạn mờ.

Ôi, những ngày tháng Ba đau xót sao còn chảy mãi trong tôi những dòng kỷ niệm buồn của 38 năm về trước...

(3/2013)

